

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 500/2020/LĐ-ST

Ngày: 29/9/2020.

V/v Tranh chấp tiền lương.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hồi.

2. Ông Huỳnh Văn Sơn.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số: 428/2020/TLST-LĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp tiền lương” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 404/2020/QĐXXST-LĐ ngày 20 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 298/2020/QĐST-LĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1973.

Địa chỉ: 160/2C ấp TT 2, xã TH, huyện H, Tp.HCM.

Đại diện do bà N ủy quyền: Ông Nguyễn Duy M, địa chỉ: 29/1 TT 1, xã TH, huyện H, Tp.HCM theo Văn bản ủy quyền ngày 16/6/2020 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH NH.

Địa chỉ trụ sở: 6/9C ĐVD, ấp TH, xã TH, huyện H, Tp.HCM.

Đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông HUR UN K. Chức danh: Tổng giám đốc. Chỗ ở hiện tại: 6/9C ĐVD, ấp TH, xã TH, huyện H, Tp.HCM (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/6/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N có đại diện ủy quyền là ông Nguyễn Duy M trình bày:*

Bà Nguyễn Thị N được Công ty TNHH NH nhận vào làm việc tại Công ty từ ngày 05/7/2007, công việc là công nhân công nhân may, mức lương 5.276.000 đồng/tháng. Hai bên có ký hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật.

Từ khi vào làm đến cuối tháng 01/2020 Công ty thanh toán tiền lương đầy đủ cho bà N theo thỏa thuận. Từ tháng 02/2020 Công ty gặp khó khăn nên không thanh toán tiền lương cho nhân viên nhưng vẫn yêu cầu nhân viên công ty tiếp tục làm việc.

Ngày 17/3/2020 Công ty ngừng hoạt động, không thông báo trước và không thanh toán tiền lương còn nợ cho công nhân. Tính đến thời điểm Công ty ngừng hoạt động, Công ty vẫn chưa thanh toán cho bà N tiền lương của tháng 02/2020 và những ngày làm việc trong tháng 3/2020 với số tiền là 5.984.000 đồng.

Do vậy, bà N và toàn bộ công nhân của Công ty đã nộp đơn yêu cầu Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện H giải quyết. Tại buổi hòa giải phía Công ty vắng mặt nên việc hòa giải không thể tiến hành được.

Với tư cách là người được bà Nguyễn Thị N ủy quyền tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Nguyễn Duy M đề nghị Tòa án xem xét buộc Công ty TNHH NH thanh toán tiền lương những ngày bà Nguyễn Thị N đã làm việc tại Công ty từ tháng 02/2020 đến ngày 16/3/2020 với số tiền yêu cầu là 5.984.000 đồng.

Đối với bị đơn Công ty TNHH NH, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập nhưng Công ty không đến Tòa án để tham gia vụ kiện. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Duy M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Về phía bị đơn Công ty TNHH NH, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn Công ty TNHH NH vẫn vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Qua quá trình nghiên cứu hồ sơ vụ án, thông qua việc kiểm sát thụ lý, lập hồ sơ vụ án và kiểm sát trực tiếp tại phiên tòa cho thấy Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định do Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong vụ án có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành thủ tục xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân huyện H nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và Công ty TNHH NH là tranh chấp lao động cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015 và Điều 200 Bộ luật lao động 2012 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn Công ty TNHH NH có địa chỉ trụ sở tại xã TH, huyện H nên Tòa án có thẩm quyền thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015.

Quan hệ pháp luật tranh chấp trong trường hợp này là tranh chấp về tiền lương. Trước khi yêu cầu Tòa án giải quyết, ngày 15/6/2020 hòa giải viên lao động tiến hành thủ tục hòa giải nhưng hòa giải không thành do một bên vắng mặt. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là đủ điều kiện khởi kiện theo quy định tại Điều 201 Bộ luật Lao động 2012 và khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015.

[3] Ông Nguyễn Duy M (là đại diện hợp pháp của nguyên đơn trong vụ án) có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Công ty TNHH NH (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Xét yêu cầu của nguyên đơn có ông Nguyễn Duy M đại diện, yêu cầu Công ty TNHH NH thanh toán cho bà Nguyễn Thị N tiền lương những ngày bà N đã làm việc tại Công ty từ tháng 02/2020 đến ngày 16/3/2020 với số tiền yêu cầu là 5.984.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Nguyễn Thị N được Công ty TNHH NH nhận vào làm việc, Hợp đồng lao động giữa bà N và Công ty TNHH NH ký ngày 05/7/2007 đều có chữ ký của của hai bên. Do đó, có đủ cơ sở xác định việc ký kết Hợp đồng lao động giữa bà N và Công ty TNHH NH với thỏa thuận về việc làm, mức lương theo sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa hai bên. Trong quá trình bà N làm việc cho Công ty, tính đến thời điểm Công ty đóng cửa ngưng hoạt động vào ngày 17/3/2020, căn cứ tài liệu chứng cứ là bảng lương do đại diện phòng nhân sự

của Công ty là bà Võ Thị Hoài Tr (Chủ tịch Ban chấp hành công đoàn của Công ty TNHH NH) trích xuất từ máy tính của công ty thể hiện số tiền lương tháng 02/2020 và những ngày làm việc trong tháng 3/2020 bà N chưa được Công ty thanh toán là 5.942.121 đồng. Như vậy, số tiền lương 5.942.121 đồng Công ty còn nợ của bà N là có thật. Do đó, việc bà N yêu cầu Công ty TNHH NH thanh toán tiền lương từ tháng 02/2020 đến ngày 16/3/2020 với số tiền là 5.942.121 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, cần buộc Công ty TNHH NH phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị N số tiền lương còn nợ là 5.942.121 đồng.

Đối với phía bị đơn là Công ty TNHH NH mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải và tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo kết quả tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: *“Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*. Như vậy, Công ty TNHH NH đã từ bỏ quyền chứng minh của mình và phải chấp nhận số tiền lương chưa thanh toán theo những chứng cứ do phía nguyên đơn đưa ra.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lương được Tòa án chấp nhận, theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 32, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 227, Điều 238, Điều 273 và Điều 482 Bộ Luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các Điều 90, Điều 96, Điều 200 và Điều 201 Bộ luật Lao động 2012;

Áp dụng các Điều 21, Điều 24 Nghị định 05/2015/NĐ-CP ngày 12/01/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N (có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Duy M).

Buộc Công ty TNHH NH thanh toán cho bà Nguyễn Thị N tiền lương (từ tháng 02/2020 đến ngày 16/3/2020) với số tiền là 5.942.121 (Năm triệu chín trăm

tám mươi bốn nghìn) đồng, thi hành 01 lần tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền. Quyết định này được thi hành ngay mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

## 2. Về án phí lao động sơ thẩm:

Nguyên đơn Nguyễn Thị N được miễn nộp toàn bộ tiền án phí lao động sơ thẩm.

Bị đơn Công ty TNHH NH phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí lao động sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

### ***Nơi nhận:***

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Tp.HCM;
- VKSND H.H;
- Cơ quan THADS H.H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thúy Nga**

